

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn đáp án đúng từ câu 1 đến câu 6 (1,5 điểm)

Câu 1: Biết $\mathbb{N}$ là tập hợp số tự nhiên. Cách viết đúng là:

A. $\mathbb{N} = \{1; 2; 3; 4; \dots\}$ B. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$

C. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ D. $\mathbb{N} = \{1; 2; 3; 4\}$

Câu 2. Tập hợp P các số tự nhiên lớn hơn 6 có thể viết là:

A. $P = \{x \in \mathbb{N} | x < 6\}$ B. $P = \{x \in \mathbb{N} | x \leq 6\}$

C. $P = \{x \in \mathbb{N} | x \geq 6\}$ D. $P = \{x \in \mathbb{N} | x > 6\}$

Câu 3. Cặp số liền trước và liền sau của 27 lần lượt là:

A. 26 và 27. B. 28 và 26. C. 26 và 28. D. 27 và 28.

Câu 4. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là:

- A. Nhân và chia $\rightarrow$ Luỹ thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ
B. Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Luỹ thừa
C. Luỹ thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ
D. Luỹ thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia

Câu 5: Cho hình vuông ABCD, kể tên 2 đường chéo của hình vuông:

A. AB, CD B. AC, BD C. AD, BC D. AB, BC

Câu 6: Một hình vuông có cạnh bằng cạnh của một hình thoi. Biết cạnh của hình thoi là 4 cm. Chu vi hình vuông là:

A. 8 cm B. 18 cm C. 16 cm D. 6 cm

Câu 7. (1,0 điểm): Cho các số 21; 71; 77; 103. Điền dấu x vào bảng cho thích hợp:

Câu	Đúng	Sai
a. Số 21 là hợp số, các số còn lại là số nguyên tố.		
b. Có hai số nguyên tố và hai số là hợp số trong các số trên.		
c. Các số đã cho đều là số lẻ nên đều là số nguyên tố		
d. Chỉ có hai số 71 và 103 có hai ước 1 và chính nó nên hai số đó là số nguyên tố		

Câu 8 (0,5 điểm). Cho tam giác đều ABC có cạnh AB bằng 6cm. Chu vi tam giác ABC là

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 9 (2,0 điểm).

- a. Biểu diễn các số tự nhiên 15; 21 dưới dạng số La Mã.
b. Viết tập hợp các ước của 12 theo cách liệt kê các phần tử.
c. Biểu diễn số 2612 trong hệ thập phân.

d. Tìm phân số tối giản trong 3 phân số sau: $\frac{5}{15}$; $\frac{18}{27}$; $\frac{14}{23}$

Câu 10 (1,5 điểm):

1. Thực hiện phép tính bằng cách hợp lí (nếu có thể):

a) $325.72 + 28.325 + 30$

b) $5.8 - 4.(3^2 - 6^7 : 6^6)$

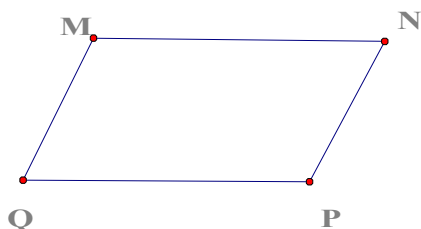
2. Tìm số tự nhiên x, biết: $9 + 2.x = 3^7 : 3^4$

Câu 11 (1,0 điểm):

Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 48 bút bi và 36 gói bánh thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bút bi và gói bánh

Câu 12 (2,0 điểm).

a) Viết tên các cạnh và các đường chéo của hình vẽ sau:



b) Vẽ hình chữ nhật có một cạnh dài 6cm, một cạnh dài 4cm.

c) Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật cho trong câu b.

Câu 13 (0,5 điểm). Tính tổng: $A = 1 + 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{20}$

----- Hết -----